

Bản án số: **170/2024/DS-PT**

Ngày: 10-5-2024

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Lê Thị Thanh Huyền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thê - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2024/TLPT-DS ngày 27/02/2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐ-PT ngày 27/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 152/2024/QĐ-PT ngày 22/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Bà Hàng Thị Tường V; địa chỉ: B L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L; địa chỉ: Số I Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Minh H; địa chỉ: Số E đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Ông Phan Minh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn bà Hàng Thị Tường V trình bày:*

Tôi và bà Nguyễn Thị Mỹ L là bạn bè quen biết nhau trong năm 2015 tôi có cho bà Nguyễn Thị Mỹ L vay số tiền 2.970.000.000 đồng làm 04 lần, cụ thể: ngày 6/12/2015 vay số tiền 600.000.000 đồng; ngày 23/12/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 28/12/2015 vay số tiền 1.300.000.000 đồng; ngày 29/12/2015 vay số tiền 570.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có giấy nhận nợ, không hẹn ngày trả nợ, khi nào tôi cần thì báo trước một thời gian thích hợp thì phải trả cho tôi. Trong giấy vay nợ các bên không ghi lãi xuất, tuy nhiên chúng tôi có thoả thuận với nhau là 1%/tháng (tức là 12%/năm, số tiền lãi này bà L cũng đã trả cho tôi hàng tháng và tôi có ghi ra giấy cho bà L giữ).

Quá trình thực hiện tôi xác nhận đã nhận lãi số tiền 214.000.000 đồng, là tiền lãi trả dần hàng năm của tổng 04 khoản nợ và tôi có xác nhận cho bà L. Hiện nay bà L đã trả cho tôi số tiền gốc 2.470.000.000 đồng tiền gốc và lãi, trả thời gian nào tôi không nhớ vì trả làm nhiều lần, số tiền còn lại là 500.000.000 đồng của khoản vay 23/12/2015 là chưa trả cho tôi. Do đó tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho tôi số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng từ ngày 23/12/2015 cho đến ngày xét xử xong vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Minh H trình bày:

Do quen biết với nhau, bà L có nhu cầu vay tiền trả nợ đáo hạn Ngân hàng, nên tháng 12 năm 2015 có vay của bà V số tiền 2.970.000.000 đồng, trong đó có giấy ghi ngày 23/12/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay không xác định thời hạn, không tính lãi. Sau khi vay, bà L đã trả tiền cho bà V vào các ngày trả cụ thể như sau:

Từ ngày 27/10/2016 đến tháng 12/2020 bà L đã trả dần cho bà V số tiền 80 triệu đồng. Từ tháng 5 đến tháng 12/2020, bà L trả dần cho bà V số tiền 30 triệu đồng. Từ tháng 01/2021 đã trả 88 triệu đồng. (tất cả các lần trả nợ bà V đã viết giấy nhận số tiền trên). Ngoài ra, từ ngày 27/10/2022 đến ngày 05/6/2023 con của bà Nguyễn Thị Mỹ L là anh Huỳnh Đình T, đã chuyển từ tài khoản 1903661073010 Ngân hàng TMCP K1 Chi nhánh Đ đến tài khoản số 23001010909966 Ngân hàng TMCP H2 của bà V để trả nợ số tiền là 16 triệu đồng. Như vậy, bà L còn nợ lại bà Hàng Thị Tường V số tiền 286 triệu đồng.

Bà L đồng ý trả số nợ gốc là 286 triệu, không đồng ý trả nợ lãi như yêu cầu của nguyên đơn. Vì thực tế số tiền 500 triệu đồng này bà L đã trả cho bà V nhưng bà V không trả lại giấy mượn tiền.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2024/DS-ST ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã căn cứ: Điều 26, Điều 35, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 465, 466, 467, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Hàng Thị Tường V.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L hoàn trả cho bà Hàng Thị Tường V số tiền **768.500.000 đồng** (trong đó 500.000.000 đồng tiền gốc và 268.500.000 đồng tiền lãi).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất trong giai đoạn thi hành án, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/01/2024, Ông Phan Minh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Minh H là không có căn cứ. Về án phí: Trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà L là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, sau khi kháng cáo bà L có đơn xin miễn án phí là có căn cứ chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Phan Minh H1, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không rút kháng cáo; các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[1] Xét đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn còn trong hạn, nên hợp lệ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự, thể hiện năm 2015 bà Hàng Thị Tường V có cho bà Nguyễn Thị Mỹ L vay số tiền 2.970.000.000 đồng làm 04 lần: Cụ thể: ngày 06/12/2015 vay số tiền 600.000.000 đồng; ngày 23/12/2015 vay số tiền 500.000.000 đồng; ngày 28/12/2015 vay số tiền 1.300.000.000 đồng; ngày 29/12/2015 vay số tiền 570.000.000 đồng. Bà V cho rằng bà L đã trả tiền cho bà V số tiền gốc 2.470.000.000 đồng, số tiền còn lại là 500.000.000 đồng của khoản vay 23/12/2015 là chưa trả nên bà yêu cầu bà L phải trả cho bà.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà V xuất trình chứng cứ là giấy vay tiền gốc ngày 23/12/2015 và bị đơn cũng thừa nhận có khoản vay trên. Đối với ba lần vay tiền khác, bà L đã trả cho bà V nên bà V đã trả lại giấy vay tiền gốc cho bà L giữ, điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các bên. Đối với giấy vay tiền ngày 23/12/2015, bị đơn bà L cho rằng đã trả xong khoản nợ trên nhưng chưa lấy lại Giấy vay tiền gốc là không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả số tiền gốc cho nguyên đơn. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Về số tiền lãi: Từ năm 2016 đến năm 2021, bị đơn đã chuyển cho nguyên đơn tổng số tiền 214 triệu đồng, điều này được nguyên đơn bà V thừa nhận và xác định đây là khoản tiền lãi, không phải tiền gốc. Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích các tài liệu chứng cứ và xác định lãi suất các bên thỏa thuận 1%/tháng là phù hợp, có cơ sở, đúng thực tế, đồng thời xác định số tiền lãi 214 triệu đồng trên là khoản tiền lãi của khoản vay ngày 23/12/2015 là phù hợp.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà L là phù hợp. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này.

Bà Hàng Thị Tường V được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông Hàng Ninh K nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số: AA/2022/0003072 ngày 31/7/2023.

[3.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Minh H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L; Sửa Bản án sơ thẩm số 01/2024/DS-ST ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần án phí.

2. Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 467, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26, Điều 29 nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Hàng Thị Tường V.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ L hoàn trả cho bà Hàng Thị Tường V số tiền 768.500.000 đồng (trong đó 500.000.000 đồng tiền gốc và 268.500.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ L được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm; Bà Hàng Thị Tường V được nhận lại 12.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ông Hàng Ninh K nộp thay) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai thu số: AA/2022/0003072 ngày 31/7/2023. Bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng